

Thứ sáu, ngày 29 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Thị trường ít biến động

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/12/2019		•	
Tuần 2/12-6/12/2019		•	
Tháng 12/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index tiếp tục vận động giằng co trong biên độ hẹp quanh mốc tham chiếu trước khi tăng điểm trở lại nhờ lực kéo từ VCB, VRE, BID. Đến phiên chiều, đà tăng của chỉ số giảm dần theo thời gian và chỉ kết phiên quanh ngưỡng 970 điểm. Thị trường cũng nhận được lực đỡ phần nào đến từ động thái mua ròng của nhóm các nhà đầu tư nước ngoài. Nhìn chung, vùng giá 965-970 vẫn đóng vai trò hỗ trợ cho VN-Index. Tuy vậy, nhà đầu tư vẫn nên thận trọng trong các phiên giao dịch tiếp theo khi tình hình vĩ mô nước ngoài chưa có nhiều thông tin nâng đỡ.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có sự phân hóa về giá. VN30F1912 và VN302006 đang giảm, trong khi VN30F2001 và VN30F2003 đang tăng. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/11/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_Xây dựng & Vật liệu XD 0.9%. 15/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường chung giảm điểm và đi ngang, danh mục **Xây dựng & Vật liệu XD** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là 0.0%.

Phân tích kỹ thuật: AMV_Hưng phần (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Cập nhật iBroker: DHG, FPT, VTP, VNM, SAB.

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.36 điểm**, đóng cửa 970.75. HNX-Index **+0.16 điểm**, đóng cửa 102.50.
- Kéo chỉ số tăng: **VRE (+0.67); VHM (+0.29); HVN (+0.21); HPG (+0.20); MSN (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.74); VNM (-0.30); BID (-0.18); GAS (-0.17); PLX (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,781 tỷ đồng, -16.1%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.86 điểm. Thị trường có 170 mã tăng, 75 mã tham chiếu và 139 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **66.96 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VRE (53.97 tỷ), ROS (34.11 tỷ) và HPG (30.44 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **6.69 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

970.75

Giá trị: 2781.99 tỷ

0.36 (0.04%)

Khối ngoại (ròng): 66.96 tỷ

HNX-INDEX

102.50

Giá trị: 208.9 tỷ

0.16 (0.16%)

Khối ngoại (ròng): -6.69 tỷ

UPCOM-INDEX

55.66

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.04 (-0.07%)

Khối ngoại(ròng): 3.15 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.0	-0.17%
Giá vàng	1,456	0.05%
Tỷ giá USD/VND	23,197	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,761	0.92%
Tỷ giá JPY/VND	21,180	-0.03%
LS liên NH 1 tháng	4.2%	-0.17%
LS TPCP 5 năm	2.4%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	54.0	VIC	88.0
ROS	34.2	SAB	9.6
HPG	30.5	DXG	6.9
KDH	16.2	STB	5.4
VCB	7.7	SSI	4.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **15/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường chung giảm điểm và đi ngang, danh mục **Xây dựng & Vật liệu XD** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là 0.0%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **12/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng & Vật liệu XD_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng & Vật liệu XD	0.9%	-0.9%	-5.4%	-0.6%	-2.8%	-5.4%	-6.8%	
Vật liệu Xây dựng	0.8%	0.3%	-2.3%	3.3%	7.1%	6.9%	6.6%	18.7%
BDS & Khu công nghiệp	0.7%	-1.5%	-1.0%	-1.6%	4.2%	8.2%	55.4%	16.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.5%	-0.6%	-3.6%	-0.5%	8.8%	13.7%	85.9%	16.0%
Lãi suất giảm	0.4%	0.9%	-3.8%	-2.9%	-2.5%	-0.5%	48.6%	17.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	-0.7%	-4.6%	1.9%	17.8%	27.9%	120.9%	18.9%
Dầu khí	0.3%	-1.6%	-1.9%	-2.7%	-4.1%	3.5%	17.7%	21.9%
FTSE Việt Nam	0.3%	-0.2%	-1.7%	0.1%	2.9%	9.8%	86.0%	14.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.2%	-1.1%	-4.2%	3.2%	7.1%	3.2%	42.3%	19.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	-0.5%	-2.3%	-1.3%	-0.6%	5.6%	76.5%	14.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.2%	-0.5%	-1.6%	1.0%	-6.0%	-10.8%	47.7%	21.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	-1.3%	-5.8%	-1.4%	10.8%	11.1%	70.3%	17.0%
Ngân hàng	0.1%	-0.8%	-3.2%	4.7%	15.6%	13.6%	83.1%	22.0%
Xây dựng	0.1%	-2.1%	-9.2%	-9.2%	-11.6%	-11.7%	16.7%	17.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	-1.3%	-6.2%	-2.7%	3.4%	4.4%	66.3%	14.3%
Chiến tranh thương mại	0.0%	-1.4%	-1.7%	-4.4%	-2.0%	2.8%	18.6%	15.5%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	-1.8%	-7.2%	-5.2%	1.0%	3.0%	51.8%	17.2%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-0.6%	-2.2%	-1.7%	-2.4%	10.7%	49.0%	14.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.4%	0.7%	1.7%	-0.8%	0.7%	18.1%	49.5%	14.6%

Mục tiêu								
Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Danh mục 14	0.7%	-1.2%	-4.0%	0.7%	8.7%	6.5%	50.8%	17.2%
Danh mục 4	0.6%	-0.5%	-3.8%	1.9%	13.2%	12.5%	36.8%	16.3%
Danh mục 10	0.5%	-1.6%	-5.2%	-5.6%	1.0%	4.3%	46.5%	16.6%
Danh mục 12	-0.6%	-0.3%	-3.1%	0.7%	9.0%	18.8%	85.3%	18.7%
Danh mục 18	-0.6%	-1.5%	-1.8%	-1.0%	-1.4%	2.4%	122.2%	18.2%

* Note 12/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro								
Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Danh mục 22	0.7%	-0.1%	-4.3%	-0.8%	12.2%	19.9%	63.1%	16.4%
Danh mục 19	0.5%	0.0%	-1.9%	1.9%	13.6%	22.6%	60.6%	15.4%
Danh mục 20	0.4%	-0.3%	-1.9%	-0.4%	12.1%	16.1%	56.7%	16.7%
Danh mục 23	0.0%	-0.4%	-2.6%	-1.8%	2.8%	29.5%	111.4%	18.7%
Danh mục 24	-0.5%	-1.7%	-5.9%	-2.8%	8.4%	30.5%	96.0%	20.1%

* Note 5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	0.0%	-0.7%	-2.8%	-0.9%	2.0%	5.4%	44.2%	15.6%
VN30INDEX	0.2%	-0.5%	-3.8%	-0.2%	2.8%	-0.8%	39.9%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

11/29/2019

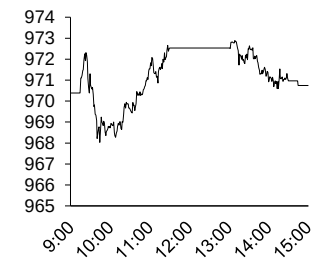
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

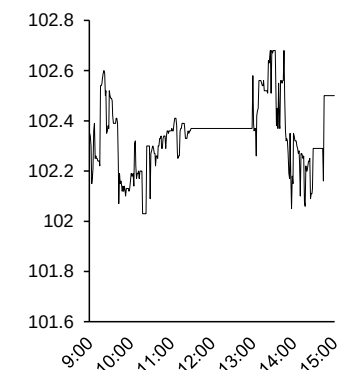
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	1.0%
Du lịch và Giải trí	0.6%
Công nghệ Thông tin	0.6%
Bất động sản	0.4%
Hóa chất	0.4%
Viễn thông	0.3%
Ô tô và phụ tùng	0.3%
Dịch vụ tài chính	0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Bảo hiểm	0.1%
Ngân hàng	0.0%
Y tế	0.0%
Bán lẻ	-0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%
Xây dựng và Vật liệu	-0.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.5%
Dầu khí	-0.5%
Truyền thông	-0.5%
Thực phẩm và đồ uống	-0.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

AMV_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD duy trì trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: AMV đang trong quá trình tăng giá từ đầu tháng 11 sau khi tạo mô hình hai đáy hướng lên tại nền giá 17. Thanh khoản cổ phiếu tăng dần đồng thuận với trạng thái tích cực trong tháng này. Các chỉ báo xu hướng đều đồng thuận với đà tăng của cổ phiếu. Chỉ báo động lượng RSI cũng đã ở trong vùng quá mua. Nhìn một cách tổng quát, AMV đang tiến dần về vùng giá lịch sử và có thể xuất hiện sự điều chỉnh khi cổ phiếu tiếp cận khu vực 25-26.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 29/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 29/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.26	0.34%	-0.55%	4.90%	13.23%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	63.74	-0.31%	-0.01%	3.49%	7.11%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.64	-2.10%	-3.73%	-2.70%	12.75%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1456.15	-0.08%	-0.56%	-2.10%	19.00%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.92	-0.22%	-1.16%	-4.96%	18.26%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	882.21	-0.23%	-2.11%	-3.73%	-0.36%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	523.86	-0.56%	2.26%	2.92%	6.08%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.36	-0.05%	0.10%	9.05%	40.70%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	170.60	-0.81%	0.83%	13.06%	23.44%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.79	0.08%	0.31%	1.99%	-0.62%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.13	-4.57%	-4.57%	-1.26%	3.30%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	117.30	1.38%	6.93%	16.72%	8.11%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.66	-0.65%	1.55%	-0.88%	-4.29%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3950.00	0.79%	4.08%	12.82%	10.34%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1764.00	0.63%	1.32%	1.55%	-9.07%		CAV, SAM
Than đá	USD/ton	71.55	-0.65%	-2.23%	2.33%	-29.19%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent giảm 14 US cent tương đương 0.2% xuống 63.92 USD/thùng. Giá dầu WTI tăng 13 US cent tương đương 0.2% lên 58.24 USD/thùng.
- Giá dầu biến động trái chiều, với dầu thô Mỹ tăng nhẹ sau lo ngại xuất phát từ Tổng thống Mỹ Donald Trump ký 1 dự luật ủng hộ người biểu tình tại Hồng Kông, gây căng thẳng với Trung Quốc. Trung Quốc cảnh báo Mỹ rằng, sẽ có "biện pháp đối phó vững chắc" để đáp trả luật pháp của Mỹ ủng hộ người biểu tình chống chính phủ ở Hồng Kông. Trong khi, các nhà đầu tư lo ngại rằng động thái này có thể trì hoãn hơn nữa 1 thỏa thuận sơ bộ giữa Mỹ và Trung Quốc, nhằm chấm dứt cuộc chiến thương mại đã làm chậm tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tiêu thụ dầu suy giảm. Điều này đã gây áp lực giảm đối với giá dầu.
- Tuy nhiên, giá dầu được hỗ trợ khi các nhà đầu tư tập trung vào cuộc họp trong tuần tới của Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh bao gồm Nga đã ngừng sản xuất để hỗ trợ giá.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.1% lên 1,455.37 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.1% lên 1,454.9 USD/ounce. Giá vàng tăng nhẹ và dao động trong phạm vi hẹp (5 USD), do các nhà đầu tư đánh giá tác động ủng hộ của Mỹ đối với những người biểu tình Hồng Kông về các cuộc đàm phán thương mại với Trung Quốc.
- Khối lượng giao dịch suy giảm bởi thị trường Mỹ nghỉ lễ Tạ ơn. Tuy nhiên, tính chung cả tháng, giá vàng giảm hơn 6% kể từ mức cao nhất 6 năm trong tháng 9/2019 và có tháng giảm mạnh nhất trong 3 năm.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên tăng 0.7% lên 650 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 0.4% lên 3,618 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng tăng 0.8% lên 3,555 CNY/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng từ mức giảm 2 phiên liên tiếp, sau khi Bắc Kinh đưa ra 1 loạt các biện pháp kích thích nhằm thúc đẩy nền kinh tế chậm lại, làm gia tăng các dự án xây dựng.

Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 0.2 JPY (0.0018 USD) xuống 188.3 JPY/kg. Tại Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 95 CNY (13.5 USD) xuống 12,475 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo giảm theo xu hướng giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải suy giảm.

Giá nông sản

- Giá cà phê Robusta trên sàn London giao tháng 3/2020 tăng 5 USD tương đương 0.3% lên 1,406 USD/tấn. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn London tăng 1.4 USD tương đương 0.4% lên 343 USD/tấn. Giá đường tăng trong phiên giao dịch trầm lắng khi thị trường Mỹ nghỉ lễ Tạ ơn, song các nhà sản xuất đẩy mạnh bán ra đã hạn chế đà tăng.
- Tại Ấn Độ, giá gạo đỏ 5% tấm không thay đổi ở mức 358-362 USD/tấn, thấp nhất kể từ tháng 1/2017. Tại Việt Nam, giá gạo 5% tấm duy trì ổn định trong tuần thứ 4 liên tiếp ở mức 345-350 USD/tấn, song nhu cầu tăng nhẹ sau khi Philippine quyết định không tạm dừng nhập khẩu vào tuần trước. Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm không thay đổi ở mức 394-410 USD/tấn, khi nhu cầu ổn định bởi đồng baht tăng mạnh và giá giảm được cung cấp bởi Việt Nam và Ấn Độ.

MÈO ĐEN VÀ LINH DƯƠNG

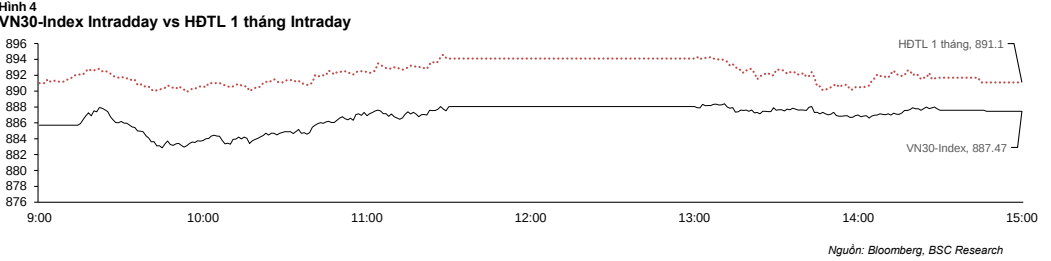
Ai tham gia lĩnh vực đầu tư cũng nên biết tới câu chuyện ngụ ngôn về cơm khách của mèo đen. Chuyện kể rằng vào một ngày nọ, mèo đen mời sơn dương đến nhà dùng bữa. Sơn dương khoái lắm, bèn vác bụng rỗng đến chỗ mèo đen. Mèo đen đã chuẩn bị một bữa ăn thật thịnh soạn nào là thịt chuột nướng, da chuột chiên xì dầu, đầu chuột chiên giòn, chân chuột nướng... để thiết đãi.

Thấy sơn dương đến, mèo đen mừng lắm, vồn vã mời sơn dương ăn, và mình cũng ngồi ăn ngon lành. Sơn dương cũng ngồi yên một chỗ, dù bụng đang đói cồn cào, vì nó chẳng hề hứng thú gì với mấy món này. Sơn dương ngập ngừng nói: - Tôi không ăn thịt chuột bao giờ cả! Nói rồi, sơn dương bèn ra ngoài vườn ngấu nghiến gặm cỏ. Mèo đen chợt hiểu ra vấn đề, cười phá lên. Còn sơn dương thì vừa chén cỏ vừa sung sướng kêu "be be" để cảm ơn thịnh tình của mèo đen.

Qua câu chuyện trên, ta nhận ra một triết lý cốt lõi trong đầu tư, đó chính là bài học về Khẩu vị rủi ro, điều kiện tài chính, hoàn cảnh, nhu cầu của mỗi cá nhân là khác nhau vì vậy nếu một nhà tư vấn đưa ra một nhận định đầu tư mới và cho rằng nó phù hợp với tất cả khách hàng thì rõ ràng đó là một nhà tư vấn tồi. Một ý tưởng đầu tư có thể phù hợp với người này nhưng lại không phù hợp với người khác.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	891.10	-0.13%	3.63	-16.3%	68240	12/19/2019	20
VN30F2001	893.00	0.11%	5.53	-26.2%	222	1/16/2020	48
VN30F2003	897.80	0.26%	10.33	-40.1%	82	3/19/2020	111
VN30F2006	898.00	-0.07%	10.53	-53.0%	47	6/18/2020	202

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 1.77 điểm lên mức 887.47 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VRE, HPG, HDB, MSN, và FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 phục hồi tích cực lên trên ngưỡng tham chiếu, sau khi giảm mạnh tại đầu phiên. Sang phiên chiều, VN30 vận động tích lũy quanh vùng giá 887-888 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy trong vùng giá 880-895 điểm trong giai đoạn tiếp theo.
- Các HDTL có sự phân hóa về giá. VN30F1912 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2001 và VN30F2003 đang tăng. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT1907	VND	1/9/2020	41	2:1	42,540	-54.3%	2.0 triệu	20.56%	4,200	2,650	17.26%	2,003.60	1.32
CMBB1905	HSC	4/8/2020	131	2:1	145,660	-44.4%	5.0 triệu	16.25%	1,700	1,450	11.54%	297.20	4.88
CFPT1906	HSC	4/8/2020	131	5:1	199,280	11.6%	5.0 triệu	20.56%	1,700	1,550	10.71%	589.30	2.63
CVRE1902	HSC	4/8/2020	131	4:1	242,510	112.4%	5.0 triệu	23.45%	1,300	1,450	9.85%	694.10	2.09
CHPG1905	SSI	12/30/2019	31	1:1	105,870	86.9%	1.0 triệu	24.14%	3,300	910	5.81%	436.50	2.08
CFPT1905	SSI	4/22/2020	145	1:1	36,460	4.1%	1.0 triệu	20.56%	9,900	7,460	4.48%	4,227.60	1.76
CREE1903	SSI	4/22/2020	145	1:1	16,200	19.1%	1.0 triệu	23.17%	7,600	5,590	2.38%	2,637.20	2.12
CVIC1902	SSI	4/22/2020	145	1:1	10,050	-20.7%	1.0 triệu	17.25%	22,700	16,770	1.15%	6,508.70	2.58
CVNM1903	SSI	4/22/2020	145	1:1	12,760	-42.7%	1.0 triệu	17.94%	26,600	19,090	1.06%	7,788.80	2.45
CFPT1903	SSI	12/30/2019	31	1:1	23,090	-46.8%	2.0 triệu	20.56%	6,000	11,900	0.85%	11,446.80	1.04
CVJC1902	SSI	4/22/2020	145	1:1	16,560	-58.0%	3.0 triệu	14.30%	27,900	28,190	0.04%	17,766.10	1.59
CMBB1906	VND	1/9/2020	41	2:1	169,360	30.0%	3.0 triệu	16.25%	2,100	1,300	0.00%	1,060.40	1.23
CDPM1901	KIS	1/9/2020	41	1:1	124,120	-49.6%	1.5 triệu	27.22%	1,900	860	0.00%	150.60	5.71
CMWG1907	HSC	4/8/2020	131	10:1	109,280	-74.1%	5.0 triệu	21.64%	1,900	870	0.00%	143.70	6.05
CVHM1902	SSI	4/22/2020	145	1:1	12,750	-16.0%	1.0 triệu	23.23%	18,600	16,130	-0.43%	10,285.20	1.57
CMWG1903	HSC	12/30/2019	31	5:1	118,610	4.6%	2.0 triệu	21.64%	2,700	3,110	-1.89%	2,869.90	1.08
CMBB1903	SSI	4/22/2020	145	1:1	32,350	38.6%	3.0 triệu	16.25%	4,000	2,900	-3.33%	1,110.80	2.61
CMWG1902	VND	12/11/2019	12	4:1	143,690	-52.6%	2.4 triệu	21.64%	2,990	4,450	-6.32%	4,785.10	0.93
CMBB1902	HSC	12/17/2019	18	1:1	81,730	-30.3%	1.0 triệu	16.25%	3,200	2,390	-8.08%	456.20	5.24
CMWG1904	SSI	12/30/2019	31	1:1	39,890	-8.2%	1.0 triệu	21.64%	14,000	19,400	-9.77%	19,364.00	1.00
CHPG1902	KIS	12/11/2019	12	5:1	1,081,080	254.4%	6.0 triệu	24.14%	1,000	30	-25.00%	-	
Tổng:					2,763,840		33.90 triệu	20.41%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 29/11/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CHPG1902 giảm mạnh nhất -25.00%. CFPT1907 tăng mạnh nhất 17.26%. Thanh khoản thị trường giảm -8.84%. CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 24.97% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, REE và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	34.45	2.84	0.61
HPG	22.85	1.11	0.57
HDB	26.50	1.34	0.33
MSN	70.00	0.72	0.32
FPT	56.40	0.71	0.30

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	121.5	-0.49	-0.42
SAB	226.0	-1.74	-0.39
ROS	24.3	-2.21	-0.17
GAS	100.5	-0.30	-0.04
BID	40.5	-0.37	-0.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1907	61,400	53,000	56,400
CMBB1905	26,400	23,000	22,150
CFPT1906	65,500	57,000	56,400
CVRE1902	37,700	32,500	34,450
CHPG1905	93,300	23,100	22,850
CFPT1905	64,900	55,000	56,400
CREE1903	43,600	36,000	36,150
CVIC1902	137,700	115,000	115,700
CVNM1903	146,600	120,000	121,500
CFPT1903	51,140	45,140	56,400
CVJC1902	157,900	130,000	144,900
CMBB1906	24,200	20,000	22,150
CDPM1901	15,888	13,988	12,950
CMWG1907	144,000	125,000	109,000
CVHM1902	103,600	85,000	91,900
CMWG1903	25,800	95,000	109,000
CMBB1903	26,000	22,000	22,150
CMWG1902	48,130	90,000	109,000
CMBB1902	26,300	21,800	22,150
CMWG1904	165,000	90,000	109,000
CHPG1902	166,285	41,999	22,850

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	109.0	0.0%	0.7	2,098	4.3	8,321	13.1	4.3	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	81.2	0.1%	0.9	786	0.9	4,839	16.8	4.4	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.3	0.3%	1.3	2,142	0.2	1,889	37.2	3.1	25.4%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.7	0.3%	0.7	319	0.1	2,801	11.3	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.7	0.0%	1.0	16,832	1.0	1,589	72.8	5.0	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.5	2.8%	1.1	3,488	8.1	1,033	33.4	2.8	32.6%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.8	0.2%	0.8	2,298	0.6	3,187	17.8	2.6	7.3%	15.5%
REE	Bất động sản	36.2	0.7%	1.0	487	0.6	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.2	1.1%	1.4	324	0.4	3,215	4.4	0.9	45.9%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.8	-0.3%	1.4	437	0.9	1,769	11.2	1.0	56.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	33.7	0.9%	1.0	241	0.6	5,067	6.7	1.5	37.6%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.4	0.6%	1.4	311	0.6	1,287	18.2	1.7	57.5%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.4	0.7%	0.9	1,663	1.8	4,688	12.0	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	3,778	11.9	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.5	-0.3%	1.6	8,363	0.8	5,886	17.1	4.2	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	57.6	-0.7%	1.5	2,982	0.2	3,467	16.6	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.4	0.6%	1.7	362	0.9	2,062	8.4	0.7	22.1%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.4	0.0%	0.8	1,267	0.3	1,163	8.1	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.2	-0.2%	0.5	530	0.0	4,535	20.6	3.8	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.0	0.4%	0.7	220	0.1	650	19.9	0.6	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.9	0.3%	0.6	158	0.0	625	11.0	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	85.3	0.0%	1.3	13,755	1.2	5,274	16.2	3.9	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.5	-0.4%	1.6	7,082	0.7	2,109	19.2	2.5	21.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.5	0.0%	1.6	3,311	2.8	1,641	12.5	1.0	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.2	0.5%	1.2	2,109	0.7	3,341	6.0	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.2	0.2%	1.1	2,240	1.9	3,261	6.8	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.1	0.9%	1.1	1,664	0.8	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	52.1	1.0%	0.8	185	0.1	5,073	10.3	1.7	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.5	-0.6%	0.3	134	0.0	4,184	7.5	1.3	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.7%	1.3	628	0.0	665	21.9	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.9	1.1%	1.0	2,743	6.3	2,526	9.0	1.4	37.7%	17.4%
HSG	Thép	7.8	2.0%	1.6	143	0.9	890	8.7	0.6	17.3%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	121.5	-0.5%	0.7	9,199	2.9	5,527	22.0	7.8	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	226.0	-1.7%	0.8	6,301	0.7	7,365	30.7	8.1	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	70.0	0.7%	1.2	3,558	0.9	4,512	15.5	2.4	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	0.0%	0.6	477	0.9	440	42.5	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	74.6	-0.1%	0.8	7,061	0.1	2,630	28.4	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	144.9	0.2%	1.1	3,300	2.1	9,850	14.7	5.6	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	35.0	1.5%	1.7	2,155	0.5	1,747	20.0	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	23.8	-0.4%	0.8	307	0.2	1,949	12.2	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.4	2.7%	0.6	213	0.3	2,571	6.8	1.2	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	80.5	0.0%	0.9	560	0.8	8,338	9.7	4.1	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.4	-0.8%	0.7	358	0.1	1,398	13.1	1.3	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	0.7%	0.8	244	0.0	1,912	7.7	1.0	6.3%	13.8%
CTD	Xây dựng	63.5	-0.8%	0.8	211	0.2	9,842	6.5	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.1	-0.4%	1.1	520	0.1	1,557	17.4	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.0	3.7%	0.4	259	0.2	1,845	13.0	1.1	51.2%	8.8%
POW	Điện	12.8	-0.8%	0.6	1,303	0.9	820	15.6	1.2	14.0%	7.8%
NT2	Điện	22.6	-0.7%	0.6	283	0.2	2,721	8.3	1.5	18.9%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRE	34.45	2.84	0.65	5.48MLN
VHM	91.90	0.33	0.30	2.84MLN
HVN	34.95	1.45	0.21	330370.00
HPG	22.85	1.11	0.20	6.34MLN
MSN	70.00	0.72	0.17	302310.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	226.00	-1.74	-0.76	70110.00
VNM	121.50	-0.49	-0.31	549840.00
GAS	100.50	-0.30	-0.17	183130.00
PLX	57.60	-0.69	-0.15	96980.00
BID	40.50	-0.37	-0.15	391620.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	28.35	6.98	0.02	10.00
LAF	9.72	6.93	0.00	2580.00
CLG	4.17	6.92	0.00	145080.00
YBM	5.26	6.91	0.00	54070.00
SGT	5.15	6.85	0.01	3750.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGF	3.46	-6.99	0.00	2100.00
TTB	7.32	-6.99	-0.01	41950.00
PGD	33.50	-6.94	-0.07	134820.00
SVI	63.30	-6.91	-0.02	220.00
TCD	9.64	-6.86	-0.01	42310.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.10	0.87	0.33	799800.00
NVB	9.10	1.11	0.04	742600.00
AMV	23.70	4.41	0.03	322100.00
PVS	17.40	0.58	0.03	1.18MLN
SJE	20.90	8.29	0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.00	-3.23	-0.23	4.49MLN
MBG	33.00	-9.84	-0.07	135100.00
PVX	1.10	-8.33	-0.02	175000.00
S99	7.60	-5.00	-0.02	1300.00
IDJ	6.70	-5.63	-0.01	168600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

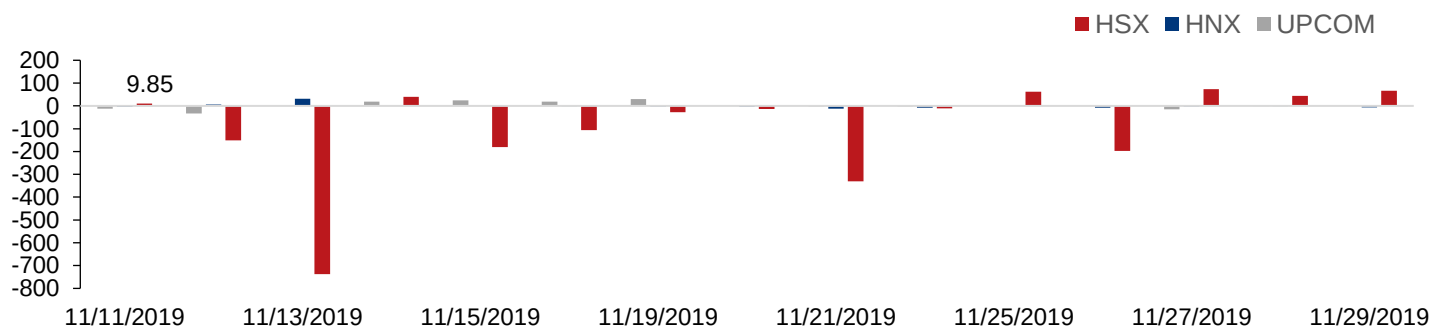
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	1.00	11.1	0.00	50400.00
DST	1.10	10.0	0.00	235400.00
NHC	34.60	9.8	0.01	100.00
VC1	14.60	9.8	0.00	100.00
CLH	13.90	9.5	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	21500.00
HKB	0.50	-16.67	-0.01	23400.00
DNC	26.10	-10.00	0.00	100.00
VNT	38.90	-9.95	-0.01	100.00
MBG	33.00	-9.84	-0.07	135100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	120.1	4,396	27.3	10.3	Click
2	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	85.3	5,274	16.2	3.9	Click
3	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	33.4	9,530	3.5	1.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	56.4	4,688	12.0	2.8	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	23.6	3,491	6.8	1.1	Click
6	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.2	2,246	8.1	0.9	Click
7	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.9	3,678	10.6	0.7	Click
8	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	70.0	4,512	15.5	2.4	Click
9	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	121.5	5,527	22.0	7.8	Click
10	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.9	2,887	7.6	1.5	Click
11	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.2	5,614	6.4	1.1	Click
12	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	76.1	14,958	5.1	1.5	Click
13	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.3	2,170	3.8	0.6	Click
14	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.1	3,585	6.4	1.5	Click
15	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.1	1,079	12.1	1.1	Click
16	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.3	5,274	16.2	3.9	Click
17	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.8	1,723	13.2	1.7	Click
18	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.2	3,261	6.8	1.3	Click
19	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	58.7	2,801	21.0	3.5	Click
20	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	23.8	1,949	12.2	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quý khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 góp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 73500 ; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa cơ nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express VTP 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129000 Đối với kế hoạch 2019 – 2024: (1) KH ban đầu: Đối với giai đoạn 2019 – 2024, công ty đặt KH DT và LNTT tăng trưởng trung bình là 31.5% và 25.9%. (2) KH mới: Tập đoàn Viettel đang áp mức KH cao hơn. Về thông tin ngành Tăng trưởng trung bình của thị trường chuyển phát là 30 – 40%, không công ty (size to) đạt ngưỡng 50 – 60%. Số lượng đơn hàng vận chuyển (1) Quá khứ: 280k đơn/ngày, (2) Current: 350k đơn/ngày (3) Dự kiến hết 2019: 380k đơn/ngày. Hệ thống mạng lưới tổng cộng là 2,329 cửa hàng (1,500 bưu cục và 829 cửa hàng Viettel Store) cùng với 6,000 điểm giao nhận. Dự kiến sẽ nhận thêm 150 – 200 cửa hàng. Việc biên LNG giảm do tình hình thời tiết mưa bão khiến cho cả giao thông của miền Trung bị tê liệt, khiến cho (1) giao hàng ở đường trục bị trễ và (2) giao hàng từ bưu cục cho khách hàng bị trễ. Công ty không giảm giá cước trong thời gian vừa qua.
Express VNM 2019Q4	11/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129500 BSC dự báo KQKD của VNM với DTT và LNST của công ty mệ lần lượt là 56,099.9 tỷ đồng (+6.6% YoY) và 10,941 tỷ đồng (+7% YoY) với EPS fw là 5,677 đồng/cp , tương đương PE fw là 23x và PB fw là 6.6x. Chúng tôi giả định tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 47,432 tỷ đồng (+6% YoY) và doanh thu quốc tế đạt 8,596 tỷ đồng (+10% YoY) với biên lợi nhuận gộp là 47.3% cao hơn so với cùng kì là 46.8% nhờ việc tăng giá bán tất cả các mặt hàng để bù đắp cho chi phí nguyên vật liệu tăng. Lũy kế 9M19, VNM đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 42,079 tỷ đồng (+6.4% YoY) và 8,377.9 tỷ đồng (+5.7% YoY).
Express SAB 2019Q4	17/11/2019	KKhuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 280000 ; Giá tại Publish 260000 BSC dự báo DTT và LNST của SAB đạt lần lượt 39,022 tỷ đồng (+8.3% YoY) và 5,411 tỷ đồng (+22.7% YoY) với EPS là 7,568 đồng/cp, tương ứng với PE fw là 34.4x và PB fw là 7.1x; chúng tôi giả định doanh thu bia tăng trưởng 10% đạt 33,869 tỷ đồng với những nỗ lực tái quảng bá thương hiệu Sabeco và cắt giảm các chi phí giúp biên gộp SAB tăng lên 24.2% cao hơn cùng kỳ là 22.5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, DTT và LNST của SAB đều cải thiện lần lượt đạt 28,170 tỷ đồng (+10% YoY) và 4,279 tỷ đồng (+23% YoY). Trong đó, doanh thu mảng bia tăng trưởng tốt nhất với doanh thu đạt 24,302 tỷ đồng (+11.3% YoY) nhờ vào kế hoạch tái quảng bá lại các thương hiệu mạnh của Sabeco như 333, Saigon Specials, Saigon Lager và Saigon Export với các thiết kế mẫu mã hiện đại và tinh thần Việt Nam đã giúp SAB tăng về thị phần so với các đối thủ khác.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn